TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-PT
Ngày 04 - 5 - 2020
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Trần Bá Kha

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp Đ, xã I, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1 (có mặt).

2. NLQ2 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ2: Ông Trần K – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước (có mặt).

3. NLQ3 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn P – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày*:** Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà D và ông P là của cha mẹ là cụ Lê Văn Đ (sinh năm 1924, chết năm 1999) và cụ Mai Thị

T (sinh năm 1924, chết năm 2016). Lúc sinh thời cha mẹ bà tạo lập được tất cả ba phần đất:

- Đất ruộng được 12 công (Đã chia đều cho bốn người con mỗi người 3 công tầm 3m).

- Phần đất vườn tạp được hơn 04 công đất cũng đã chia xong.

- Phần đất bờ xáng (sông xáng Chắc Băng) chiều ngang 42m, phần đất này lúc cụ T còn sống cho NLQ1 15m, cụ T bán cho bà Chín Thợ Hồ 05m, cho ông P 05m, cho NLQ2 05m, cho bà D 05m, còn lại 07m là của cụ T, lúc cho không có làm giấy tờ cụ T chỉ nói miệng. Phần đất cho NLQ1 và NLQ2 thì hai người đã nhận đất sử dụng, phần NLQ1 thì bà đã bán còn phần NLQ2 thì ông đang quản lý. Riêng phần của bà D và ông P thì còn nằm chung phần còn lại của cụ T 18m và cụ vẫn là người quản lý. Phần đất bờ xáng này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, sau khi mẹ mất thì anh em trong gia đình không thống nhất việc phân chia phần đất trên và xảy ra tranh chấp. Nay bà D yêu cầu chia thừa kế phần đất di sản của cụ T là 18m, bà D yêu cầu nhận chiều ngang 5m, dài 20m. Hiện nay phần đất trên Nhà nước đã thu hồi toàn bộ để xây dựng cầu Ranh Hạt nên bà D yêu cầu nhận giá trị phần 5m đất chiều ngang theo giá mà Nhà nước ra quyết định bồi thường.

Tại phiên tòa, bà D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần di sản của mẹ là cụ Mai Thị T để lại là 17m chiều ngang , dài 20m tổng diện tích 340 m^2 đất bờ xáng mà Nhà nước đã thu hồi và có quyết định bồi thường. Bà xin nhận giá trị tương đương phần di sản được chia trong tổng diện tích 340m^2 của mẹ. Phần 01m trong số 18m chiều ngang mà trước đây bà yêu cầu là của ông P do phần này ông P nhận đổi 01 công đất của ông cho NLQ2 để lấy 01m đất đó. Vì trước đây cụ T cho phần NLQ2 là 5m chứ không phải 4m như hiện nay, NLQ2 mới đổi với ông P 01m để lấy 01 công đất của ông P.

**** Bị đơn ông Lê Văn P trình bày*:** Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà D và ông P là của cha mẹ ông là cụ Lê Văn Đượm (chết năm 1999) và cụ Mai Thị T (chết năm 2016). Sinh thời cha mẹ ông tạo lập được tất cả ba phần đất:

- Đất ruộng được 12 công (cha mẹ đã chia đều cho bốn người con mỗi người 03 công tầm 3m).

- Phần đất vườn tạp được hơn 11 công đất (gồm có 02 phần, phần ruộng và phần vườn) phần làm ruộng được thì chia ra làm ba phần, phần NLQ2 được 4,5 công, Lê Thị D 02 công, Lê Thị Nga 2,5 công; phần vườn được khoảng hơn 02 công mẹ tôi cho Lê Thị D phần đất chiều ngang 4m dài 25m, NLQ2 ngang 15m, dài 40m, phần còn lại là của cụ T hiện ông P là người sử dụng.

Hai phần đất trên Cha mẹ đã chia xong anh em đang sử dụng ổn định không tranh chấp. Nhưng chỉ có phần đất bờ xáng (sông xáng Chắc Băng) được 42m chiều ngang, phần này cụ Thình cho NLQ1 15m (hiện nay đã bán cho ông Tám Hòa), cụ T bán cho bà Chín Thợ Hồ 5m (vàng do Lê Thị D nhận 50 chỉ vàng 24k), cụ T cho NLQ2 4m, phần còn lại 18m là của cụ T. Hiện tại trên phần đất 18m có một số cây cối và 01 căn nhà tình nghĩa có diện tích ngang 4,8m dài 9m, nhà hai mái kết cấu xi măng mái lợp tol hiện ông P đang quản lý sử dụng căn nhà và phần đất tranh chấp, sau khi Nhà nước thực hiện dự án xây dựng công trình xây cầu qua sông tại khu Di tích Ranh

Hạt thì anh em trong gia đình xảy ra tranh chấp và hiện nay Nhà nước đã ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định mức bồi thường phần đất tranh chấp nhưng ông P chưa thống nhất với mức giá bồi thường theo quyết định của Nhà nước.

Nay bà Lê Thị D, NLQ2 yêu cầu chia thừa kế phần đất 18m đất mà cha mẹ để lại thì ông P không đồng ý vì ông P cho rằng ông là con trai trưởng sống với cha mẹ từ nhỏ nên phần tài sản cha mẹ để lại khi chết thì ông là người thừa hưởng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của Lê Thị D và NLQ2.

Tại phiên tòa, ông P xác định ông thống nhất lấy giá đất mà Nhà nước ra quyết định bồi thường đối với diện tích đất tranh chấp để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án giữa ông và bà D với NLQ2.

Riêng phần đất tranh chấp ông xác định trong phần đất 18m đang tranh chấp phần của cụ Thình chỉ có 17m còn 01m là phần ông lấy 01 công đất của ông để đổi với NLQ2 lấy 01m đất, vì lúc cụ T cho đất NLQ2 là cho 5m, NLQ2 đổi 01m đất cho ông nên bây giờ còn lại 04m, nhưng phần đất 17m bà D, NLQ2 yêu cầu chia thừa kế cụ T đã cho ông lúc cụ T còn sống nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà D và NLQ2.

**** NLQ2 trình bày*:** Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông, bà D và ông P là của cha mẹ để lại (cha chết năm 1999, mẹ chết năm 2016), cha mẹ mất không để lại di chúc. Sinh thời cha mẹ ông tạo lập được tất cả ba phần đất:

Các phần đất khác đã chia xong ông thống nhất không yêu cầu giải quyết. Chỉ có phần đất bờ xáng (sông xáng Chắc Băng) được 42m chiều ngang, phần này mẹ cho NLQ1 15m, mẹ bán cho bà Chín Thợ Hồ 05m, cụ T cho con trai ông là NLQ3 04m, phần còn lại 18m hiện tại ông Lê Văn P đang quản lý sử dụng. Nay cha mẹ đã mất, phần 18m đất còn lại ông yêu cầu chia thừa kế ông xin nhận 05m chiều ngang theo Quốc lộ 63 phần đất còn lại và các tài sản khác thống nhất giao cho ông P là người hưởng. Phần đất trên Nhà nước đã thu hồi và bồi thường ông yêu cầu nhận giá trị đất theo giá Nhà nước ban hành quyết định bồi thường.

Nay ông xác định ông yêu cầu chia thừa kế phần di sản của mẹ để lại là 17m đất bờ xáng và giá trị căn nhà tình nghĩa của mẹ ông mà ông P đang quản lý.

* ***NLQ1 trình bày*:** Cha mẹ bà là cụ Lê Văn Đ (đã chết năm 1999) và cụ Mai Thị T (chết năm 2016). Cha mẹ có tất cả 09 người con nhưng đã chết lúc nhỏ 05 người (chưa có vợ chồng, chưa có con), còn lại 04 người con gồm Lê Thị D, Lê Văn P, NLQ2 và NLQ1. Lúc sinh thời cha mẹ có tạo lập được một số phần đất và đã phân chia cho các con không ai tranh chấp. Còn lại phần đất bờ xáng (sông Xáng Chắc Băng) thì cụ T cũng đã phân chia xong còn lại 18m đất chiều ngang và 01 căn nhà tình nghĩa trên đất cụ T giao cho ông Lê Văn P quản lý và sử dụng bà thống nhất. Bà không yêu cầu chia thừa kế trong vụ kiện này. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với phần đất còn lại của cha mẹ thì bà yêu cầu được nhận và giao lại phần của bà cho ông Lê Văn P được hưởng. Nay NLQ1 xác định trong 18m đất ông yêu cầu chia thừa kế thì phần cụ T còn có 17m, phần 01m là của ông P. Lý do ông P có 01m đất là do trước đây mẹ bà cho NLQ2 05m nhưng sau đó ông đứng ra đổi 01m đất cho ông P để lấy 01 công đất phía trên lộ nên phần của mẹ còn lại 17m. Nay bà xác định phần đất 17m mà các anh em đang tranh chấp cụ T đã cho ông P lúc còn sống.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang đã quyết định***:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế là phần đất có diện tích 340m^2 có giá trị theo giá của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu qua khu di tích Ranh Hạt huyện V là 342.550.000 đồng.

Phần đất tranh chấp có diện tích 340m^2 có vị trí và tứ cận theo sơ đồ hiện trạng của công ty tránh nhiệm hữu hạn A hiện nay ông Lê Văn P đang quản lý. Ông P có trách nhiệm giao phần đất tranh chấp cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu qua khu di tích Ranh Hạt huyện V để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu qua khu di tích Ranh Hạt huyện V đúng theo quy định của pháp luật. (Kèm theo sơ đồ hiện trạng của công ty trách nhiệm hữu hạn A).

NLQ2, bà Lê Thị D mỗi người được nhận số tiền 85.637.500 đồng, ông Lê Văn P được nhận 171.275.000 đồng (hiện số tiền trên do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu qua khu di tích Ranh Hạt huyện V và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện V quản lý các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền nêu trên để nhận).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* ***Ngày 12/11/2019, bị đơn Lê Văn P kháng cáo với nội dung***: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần đất mà nguyên đơn bà Lê Thị D yêu cầu chia 5m, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 yêu cầu chia 5m là phần đất cha mẹ ông P cho ông chứ không phải là tài sản thừa kế của cha mẹ để lại.

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

- Bị đơn ông Lê Văn P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Lê Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 được chia giá trị phần đất của cha mẹ để lại với số tiền mỗi người là 50.000.000 đồng.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, xác định di sản chia thừa kế đối với giá trị của diện tích đất 140m^2, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần đất mà nguyên đơn bà Lê Thị D yêu cầu chia 5m, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 yêu cầu chia 5m là phần đất cha mẹ ông P cho ông chứ không phải là tài sản thừa kế của cha mẹ để lại.

Hội đồng xét xử xét thấy, cụ Đ và cụ T có tất cả 09 người con nhưng đã chết 05 người (Chết lúc còn nhỏ, chưa lập gia đình) còn lại 04 người con gồm NLQ1, bà Lê Thị D, ông Lê Văn P và NLQ2. Cụ Đ chết năm 1999, cụ T chết năm 2016 đều không để lại di chúc. Ngoài ra, cha mẹ cụ Đ - cụ T cũng đều đã chết và hai cụ không có nhận ai làm con nuôi hợp pháp, cũng như không ai có người con riêng nào khác. Khi còn sống cụ Thình có quyền quyết định đối với tài sản của cụ cho dù lúc còn sống cụ đã cho đất bà D và NLQ2 thì khi cụ T chết phần Di sản là tài sản của cụ để lại thì NLQ2 và bà D vẫn có quyền yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đều thống nhất phần đất chiều ngang 17m, chiều dài 20m cụ T lúc còn sống vẫn là người đứng chủ quyền hiện đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, diện tích thực tế theo bản đồ hiện trạng cầu ngang qua khu Di tích xã I diện tích phần đất tranh chấp 340m^2 nằm chung trong tổng diện tích 440m^2 đúng theo diện tích của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư đã được duyệt bồi thường, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã I, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà tình nghĩa cất năm 2000 có diện tích 32,1 m^2 và các công trình phụ kèm theo như: nhà tạm 23,9 m^2, mái che 15,5 m^2, sân xi măng 20,7 m^2, 01 cây nước và 01 cái đồng hồ điện (BL81) do ông Lê Văn P quản lý sử dụng. Cấp sơ thẩm xác định cụ Đ và cụ T chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Đ và cụ T để lại chưa chia, nay bà D, NLQ2 yêu cầu nên di sản được chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế đất tranh chấp 340m^2 là chưa chính xác, mà thực tế di sản thừa kế của cụ Đ và cụ T để lại thực tế còn lại chỉ có diện tích đất 140m^2 có giá trị 141.050.000 đồng, diện tích đất 200m^2 còn lại là của ông P và bà D đã được cha mẹ phân chia trước khi chết có giá trị 201.500.000 đồng được các đương sự thừa trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể, căn cứ vào trình bày của nguyên đơn là bà Lê Thị D xác định tại các văn bản là đơn khởi kiện (BL 01), biên bản ghi lời khai (BL 09), đơn yêu cầu gửi lãnh đạo ấp (BL 23), bản tự khai (BL 59), biên bản ghi lời khai đương sự (BL 61) và tại phiên tòa sơ thẩm bà D đều xác định rằng phần đất dưới sông xáng tổng thể chiều ngang là 42m, trong đó mẹ bà là cụ T đã bán 05m, cho NLQ1 15m, cho NLQ2 05m, cho ông P 05m (có căn nhà đang ở), cho bà D 05m, cụ T chỉ còn lại diện tích là 7m để dưỡng già.

Như vậy, bà D chính là người khởi kiện trong vụ án này, bà đã đưa ra lời trình bày và nếu xác định di sản thừa kế của cụ T theo trình bày của bà D thì chỉ có 7m đất chứ không phải là 18m như bà D xác định. Nếu chia di sản theo yêu cầu chia thừa kế của bà D thì phải xác định phần di sản của cụ T chỉ còn 7m. Theo quy định của pháp luật thì mỗi người được nhận thêm 1.75m đất chứ bà không thể yêu cầu được nhận

05m như yêu cầu khởi kiện của bà D được, đây là phạm vi khởi kiện của bà D xác định trong đơn khởi kiện.

NLQ1 người con lớn nhất của cụ Đ cụ Thình xác định tại các tài liệu như Biên bản lấy lời khai (BL 10 và BL 62) NLQ1 đều xác định phần đất ngang 18m này cha mẹ đã cho ông P trong đó có căn nhà mà ông P đang ở. Trình bày của NLQ1 là phù hợp với trình bày của ông P, phù hợp với trình bày của những người lớn tuổi ở địa phương mà chính quyền đã đi xác minh như ông Nguyễn Văn Đ (BL 13), Biên bản xác minh ông Huỳnh Văn T (BL 14), Biên bản ghi lời khai của ông Lê Văn M (BL 15). Như vậy, những người lớn tuổi ở địa phương có hiểu biết về đất đều xác nhận sự quản lý của ông P trên phần đất đang tranh chấp. Ông P ở chung và nuôi cha mẹ, nhưng khi cụ Đ và cụ T còn sống quyết định chia hết đất cho các con là hợp tình, hợp lý. Như vậy là phù hợp, đảm bảo tất cả những đứa con, ai cũng có đất ruộng, ai cũng có đất vườn và đất ở. Không một lý do nào chỉ cho ông P 3 công đất ruộng, 01 công đất vườn và 5m đất bờ xáng như bà D trình bày. Hoặc 03 công đất ruộng và duy nhất 01 công đất vườn, không có đất ở Bờ Xáng như NLQ2 trình bày.

Trong tổng số phân chia đất, NLQ2 là người nhận được nhiều đất nhất cụ thể là 03 công đất ruộng ở Kinh 5, 04 công đất vườn, 15m đất giáp lộ của phần đất vườn và 05m đất bờ xáng. Phần NLQ1 nhận 03 công đất ruộng ở Kinh 5, 02 công đất vườn và 15m đất bờ xáng là phù hợp. Phần bà D nhận 03 công đất ruộng, 02 công đất vườn, 04m đất giáp lộ của phần đất vườn, 05m đất bờ xáng.

Đối chiếu lại trình bày của ông P ông nhận 03 công đất ruộng và 10m đất ở bờ xáng là phù hợp, ngoài ra ông còn đảm nhận trông coi phần đất mồ mã của dòng họ là phù hợp thực tế khách quan.

Do đó, di sản thùa kế của cụ Đ và cụ T để lại thực tế còn lại chỉ có diện tích đất 140m^2 với giá trị 141.050.000 đồng. Diện tích đất 200m^2 còn lại là của ông P và bà D đã được cha mẹ phân chia trước khi chết có giá trị 201.500.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D chỉ yêu cầu được chia số tiền 50.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền được nhận là: 50.000.000 đ x 5% = 2.500.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005643 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà D còn phải nộp 2.300.000 đồng.

- NLQ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền được nhận là: 28.210.000 đ x 5% = 1.410.500 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002136 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà D còn phải nộp 1.110.500 đồng.

- Ông Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền được nhận là: 264.340.000 đồng x 5% = 13.217.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 611, 613, 614, 623, 650, 651, 660 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Lê Văn P.

2. Xác định giá trị phần đất phần đất tranh chấp thừa kế có diện tích 140m^2 có giá trị 141.050.000 đồng có vị trí và tứ cận theo sơ đồ hiện trạng của công ty tránh nhiệm hữu hạn A hiện nay ông Lê Văn P quản lý đã được thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu qua khu di tích Ranh Hạt huyện V theo quy định của pháp luật. (Kèm theo sơ đồ hiện trạng của công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát) được chia thành 5 kỷ phần.

2.1. Chia cho nguyên đơn bà Lê Thị D được nhận số tiền 50.000.000 đồng.

2.2. Chia cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 số tiền 28.210.000 đồng.

2.3. Chia cho bị đơn ông Lê Văn P được nhận số tiền 84.630.000 đồng (trong đó 1 kỷ phần ông P được chia theo quy định, 01 kỷ phần của NLQ1 giao cho ông P và 01 kỷ phần ông P được chia là người quản lý, giữ gìn di sản và và giao cho ông P được nhận giá trị của diện tích đất 200m^2 với số tiền 201.500.000 đồng, sau khi trừ số tiền 50.000.000 đồng chia cho bà D, tổng cộng số tiền ông P được nhận là 264.340.000 đồng.

(Hiện số tiền trên do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu qua khu di tích Ranh Hạt huyện V và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện V quản lý các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền nêu trên để nhận).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005643 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà D còn phải nộp 2.300.000 đồng.

- NLQ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.410.500 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002136 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà D còn phải nộp 1.110.500 đồng.

- Ông Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.217.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn P không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho bị đơn ông Lê Văn P số tiền án phí 300.000 đồng theo lai thu số 0006228 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
-THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo